

Trung Tâm Gia Sư MEI

DANH SÁCH GIÁO VIÊN NĂM 2025

STT	HỌ VÀ TÊN	Môn dạy	Khối lớp
1	GIỀNG SỬU QUANG	Toán	6,8
2	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG QUYÊN	AV	11
3	TẮT VỆ TÂM	Toán	11,12
4	TRẦN NGUYỄN TUẤN HUY	Văn	9
5	QUÁCH THỊ NGỌC NGÀ	Toán	7,9
6	NGUYỄN THỊ TỔ QUYÊN	Văn	7,8
7	TRẦN NGỌC QUỲNH NHƯ	AV	7
8	ĐOÀN THỊ NGỌC THỦY	Pháp văn	8,9
9	BÙI MINH QUÂN	Toán	11,12
10	HỒ THỊ DIỄM THÚY	AV	7,8
11	TRẦN THỊ QUỲNH TRÂM	Văn	6,8
12	NGUYỄN PHÚC THIÊN	Toán	8,9
13	NGUYỄN THỊ NGỌC	Toán	9
14	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC		
15	LÊ THỊ BÍCH TRÂM	Toán	6
16	TRẦN HÙNG DŨNG	Hóa	10,11
17	TRẦN NGUYỄN BÌNH	AV	9
18	ĐỖ THỊ THANH AN	AV	12
19	NGUYỄN THỊ THANH THANH	AV	11,12
20	NGUYỄN KHOA THÙY TRANG	AV	8,9,10
21	HUỲNH KIM YẾN	Toán	10,11,12
22	NGUYỄN VĂN HẬU	Văn	7
23	HỒ BẢO PHƯƠNG THẢO	AV	7
24	TRẦN THỊ ÁNH TUYẾT	Toán	10,11
25	NGUYỄN THỊ AN KHANG	Văn	6
26	NGUYỄN VĂN NGUYỄN	Văn	6
27	PHẠM THỊ THANH VÂN	AV	6,9
28	CHU HOÀNG THỦY	Toán	7
29	QUÁCH YẾN LY	Hóa	11
30	TRƯƠNG KIM BIÊN	Văn	6,7
31	NGUYỄN THỊ MAI	Văn	
32	ĐỖ THỊ HÒA	Toán	10,11
33	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	Văn	9
34	HỒ THỊ HẢO		

35	VÕ THỊ XUÂN YẾN	Toán	11,12
36	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	Văn	9
37	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG THẢO	Toán	7
38	HUỲNH ĐÌNH NHÂN	Hóa	10
39	TRẦN ĐÌNH THI	Toán	6
40	LÊ THANH TÙNG	AV	8,9
41	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	Toán	8,9
42	NGUYỄN ĐĂNG CẦU	Toán	9
43	HÀNG THỊ MINH HIỆP	Toán	6,7
44	HỒ THỊ KIỀU TRANG	Lý	
45	LÝ THỰC TRINH	Văn	7
46	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	Toán	7
47	LÂM NGỌC DUNG	AV	7,8
48	NGUYỄN THANH PHÚC	Toán	9
49	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	Toán	6,7
50	NGUYỄN TÚ THANH	Văn	7
51	HÀ TRỌNG NGHĨA	Toán	9
52	NGUYỄN THANH QUÍ	Toán	6,7
53	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Hóa	12
54	LÊ HỒNG PHÁT	AV	9,10
55	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	Toán	7,8,9
56	BÙI THỊ KHÁNH LINH	Toán	6,7
57	LÊ QUỐC KHỎI	AV	7,8
58	NGUYỄN THỊ GIANG	Văn	7
59	TRẦN DUY TRÍ	Hóa	10,11,12
60	NGÔ NGUYỄN NGỌC TRÂM	Toán	6,7
61	LÊ CHÂN ĐỨC	Toán	10,11,12
62	NGUYỄN THỊ MỸ PHƯƠNG	AV	8,9
63	ĐỖ THỊ KIỀU HẠNH	AV	8,9,10
64	LÊ NGUYỄN HUỲNH MAI	AV	6.7
65	TRẦN THU HẰNG	Văn	8,9
66	VÕ THỊ PHƯƠNG ANH	AV	11,12
67	NGUYỄN CÔNG MINH	Toán	10,11,12
68	TRẦN NGỌC THUẬN	Văn	10,11
69	NGÔ THỊ THU THÚY	Hóa	7,8,9
70	LÊ THỊ VÂN	Toán	8,9
71	TRẦN THỊ VÂN ANH	Văn	6,7
72	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	AV	9
73	NGUYỄN THỊ KIM HOÀNG	Toán	7,8,9
74	NGUYỄN ĐỨC THANH TUYỀN	Lý	10,11,12

75	LA KIM LOAN	Toán	7,8,9
76	PHẠM ÚT HẬU	Toán	8,9
77	TRỊNH KIM SƠN	AV	6,7
78	VŨ THỊ HỒNG NGUYỆT	Hóa	12
79	LÊ HOÀNG DUY	AV	
80	ĐÌNH XUÂN NHÂN	Toán	
81	NGUYỄN ANH TUẤN	Toán	
82	PHẠM THANH HIỀN	Toán	
83	PHẠM GIÁM TÀI	Toán	
84	VÕ THỊ ÁNH TRỊNH	Văn	
85	LÊ THÚY AN	AV	
86	VÕ LÊ HOÀNG OANH	AV	
87	NGÔ ÁNH NGỌC	Toán	
88	BÙI NGỌC THANH THẢO	AV	
89	TRẦN THUY HỒNG MINH	Văn	
90	NGUYỄN KHẮC TIẾN	Toán	6,7
91	TRẦN NGỌC THANH TRÚC	Toán	6,7
92	PHAN VĂN TRIỆU	AV	
93	DƯƠNG THỊ MAI LINH	AV	
94	ĐẶNG THỊ THUẬN	Văn	
95	PHẠM THỊ NHƯ QUỲNH	Toán	
96	PHÙNG THỊ NGỌC HOA	AV	
97	TRẦN KIM HÀ	Văn	
98	ĐỖ THÀNH THÁI HIỀN	AV	
99	VÕ THỊ THANH TUYỀN	Toán	
100	NGUYỄN QUANG NHÂN	Toán	
101	LƯU THỊ YẾN ANH	Văn	
102	NGUYỄN THỊ BÍCH THẢO	Văn	
104	PHẠM THỊ TRANG	Toán	
105	TRẦN KIM KHÔI	Hóa	
106	NGUYỄN THỊ UYÊN	AV	
107	HUỲNH NHUẬN PHONG	Lý	
108	LÊ THỊ TRỊNH	Sinh	
109	LÃ THỊ LIÊN	AV	
110	NGUYỄN TUẤN ANH	Văn	
111	NGUYỄN TRỌNG LUÂN	Văn	9
112	NGUYỄN THỊ LỆ DUNG	Lý	
113	THÁI HOÀNG TÂN	lý	
114	NGUYỄN VĂN SÂM	Toán	
115	VŨ THỊ NGỌC DIỆP	Toán	

116	NGUYỄN THỊ ÁNH TRÚC	Hóa	
117	NGUYỄN THỊ NHƯ KHUÊ	AV	
118	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	AV	8,9
119	PHẠM THỊ THÙY TRANG	KHTN	9
120	NGUYỄN THỊ LÊ DUNG	Lý	8,9
121	THÁI HOÀNG TÂN	Lý	10,11
122	LÂM XUÂN HIẾU	Toán	8,9
123	LÊ HẠNH NHÂN	Toán	9
124	NGUYỄN VĂN TOÀN	Toán	8
125	NGUYỄN ĐỨC TUỆ	Toán	9
126	HỒ THỊ HẢO	Văn	12
127	TRẦN THỊ MẾN	Văn	6,7
128	LÂM MINH CHÂU		
129	TRẦN HUỲNH TUYẾT NHƯ	AV	
130	LƯU THỊ NGỌC TRÂM	Toán	
131	NGUYỄN THỊ ÁNH TRÚC	Hóa	